TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG

Bản án số: 34/2017/HSST
Ngày 31/10/2017.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu và ông Phạm Đình Bông.
Thư ký phiên toà: Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên TAND huyện K.
Đại diện VKSND huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2017/LTST-HS, ngày 04 tháng 10 năm 2017 đối với:

Bị cáo: Phạm Thanh T, sinh năm 1960 tại tỉnh Thái Bình; trú tại: Thôn D, xã N, huyện K, tỉnh Đ; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Làm nông; trình độ học vấn: 10/10; con ông Phạm Văn L và con bà Trần Thị T (đều đã chết); vợ: Đào Thị S, sinh năm 1968 và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, Tiền sự: không.

Về nhân thân: Ngày 07/3/1994 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù về tội "Giết người" và tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng", đến ngày 14/8/1998 thì chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bản thân nghiện ma túy nên vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 20/6/2017 Phạm Thanh T sử dụng xe mô tô không có giấy tờ, nhãn hiệu Honda - Wave RSX màu đen đỏ, xe trước đó T cầm cố của một người tên L *(không rõ nhân thân lai lịch)*, gắn Biển kiểm soát: 48C1 – 12774 từ xe của T, đi từ quán ăn T thuê ở thôn T, xã Đ, huyện K ra Trung tâm y tế huyện C để uống Methadone. Sau khi uống Methadone xong, T đi đến quán cà phê gần khu vực cầu 14 thuộc xã P, thành phố B, tỉnh L uống nước, tại đây T gọi điện thoại cho người đàn ông tên P *(không rõ lai lịch)* bằng số điện thoại T xin trước đó hỏi mua ma túy với số tiền 500.000đ *(năm trăm ngàn đồng)* để sử dụng *(số điện thoại này sau khi mua được ma túy T đã xóa số trong điện thoại)*, P bảo T ngồi chờ khi nào P gọi lại thì T đến điểm hẹn lấy ma túy.

Khoảng 30 phút sau P gọi lại hẹn gặp T trên Quốc lộ 14 đoạn đường giáp ranh giữa xã Hòa Phú và xã K, Thành phố B, tỉnh L. T chạy xe từ quán cà phê về hướng trung tâm thành phố B, tỉnh L, khi chạy qua chợ Hòa Phú thuộc xã P một đoạn thì gặp P, T đưa cho P số tiền 500.000đ *(năm trăm ngàn đồng)* và P đưa gói nilon màu đen bên trong có ma túy cho T. Mua được ma túy T cất vào túi áo khoác phía dưới bên trái rồi điều khiển xe chạy về xã Đ, huyện K, khi đi đến đoạn đường Quốc lộ 28 thuộc thôn Đ, xã D, huyện K thì bị Công an huyện K bắt giữ cùng tang vật, phương tiện.

Tại bản kết luận giám định số 41/PC54, ngày 23/06/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Gói nilon màu đen bên trong chứa chất rắn màu trắng dạng cục là chất ma túy, chất Hêrôin, trọng lượng 0,6387 gam.

Cáo trạng số 34/CTr-VKS, ngày 03/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Phạm Thanh T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này còn có đối tượng tên P có hành vi bán ma túy cho bị cáo T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành điều tra nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi mua ma túy vào tháng 03 năm 2017 của bị cáo Phạm Thanh T, do không thu giữ được chất ma túy nên không xác định được trọng lượng và loại ma túy, vì vậy không đủ cơ sở xử lý T.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2, Điều 41 BLHS, điểm a, b, khoản 2, khoản 3, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 17, ngày 13/09/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K, bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố B, tỉnh L 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda - Wave RSX màu đen đỏ, không biển kiểm soát, số khung: RLHJA3209EY088958, số máy: không xác định.

- Tịch thu tiêu hủy: 0,4059 gam Hêrôin (sau giám định) được niêm phong trong 01 bì thư dán kín đóng dấu giáp lai của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đăk Nông; 01 bơm kim tiêm đã qua sử dụng và 01 áo khoác đã qua sử dụng.

- Tịch tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám đã qua sử dụng.

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Phạm Thanh T: 01 biển kiểm soát: 48C1 – 12774; 01 ví da màu nâu nhãn hiệu J.Y JINYU; 01 giấy phép lái xe; 01 giấy đăng ký xe mô tô; 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thanh T; 02 tờ DOLLARS mệnh giá 02 DOLLARS và số tiền 210.000 đồng *(hai trăm mười ngàn đồng)*.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Do bản thân là người nghiện ma túy, muốn có ma túy để sử dụng bị cáo Phạm Thanh T đã mua ma túy của đối tượng tên P (không rõ nhân thân, lai lịch) với trọng lượng là 0,6387 gam. Như vậy, với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và trọng lượng ma túy tàng trữ, bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, không oan.

Điều 194 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra:

3.1. Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất Ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo lắng, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và hoàn toàn nhận thức được hành vi tàng trữ ma túy (Hêrôin) là vi phạm pháp luật và những tác hại của ma túy gây ra. Tuy nhiên, do bản thân nghiện ma túy, muốn có ma túy để sử dụng nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

3.2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Ngoài ra, do chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta hiện nay có sự thay đổi theo hướng có lợi cho bị cáo theo khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng và xét xử bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, cụ thể:

Điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nao tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

……

c) Hêrôin,……..có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

……

[4]. Về vật chứng của vụ án:

- Cơ quan điều tra Công an huyện K đã chứng minh được xe mô tô nhãn hiệu Honda - Wave RSX màu đen đỏ, không biển kiểm soát, số khung: RLHJA3209EY088958, số máy: không xác định bị cáo sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy là vật chứng của vụ án khác thuộc thẩm quyền xử lý của Cơ quan CSĐT Công an thành phố B, tỉnh L. Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 17, ngày 13/09/2017 bàn giao xe mô tô trên cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố B, tỉnh L. Căn cứ khoản 2, Điều 41 BLHS, điểm b khoản 2, khoản 3, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy có căn cứ nên cần chấp nhận.

- Đối với vật chứng: 0,4059 gam Hêrôin (sau giám định) được niêm phong trong 01 bì thư dán kín đóng dấu giáp lai của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ; 01 bơm kim tiêm đã qua sử dụng và 01 áo khoác đã qua sử dụng. Căn cứ điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám đã qua sử dụng, bị cáo sử dụng làm công cụ liên lạc để mua ma túy. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 biển kiểm soát: 48C1 – 12774, 01 ví da màu nâu nhãn hiệu J.Y JINYU, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thanh T, 02 tờ DOLLARS mệnh giá 02 DOLLARS và số tiền 210.000 đồng. Trong quá trình điều tra đã chứng minh được các tài sản trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự cần trả lại cho bị cáo Phạm Thanh T.

[5] . Về án phí: Bị cáo Phạm Thanh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

1.1. Áp dụng: Khoản 1 điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/6/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b, đ khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng Điều 41 BLHS:

- Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 17, ngày 13/09/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K, bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố

B, tỉnh L 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda - Wave RSX màu đen đỏ, không biển kiểm soát, số khung: RLHJA3209EY088958, số máy: không xác định.

- Tịch thu tiêu hủy: 0,4059 gam Hêrôin (sau giám định) được niêm phong trong 01 bì thư dán kín đóng dấu giáp lai của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ; 01 bơm kim tiêm đã qua sử dụng và 01 áo khoác đã qua sử dụng *(Có đặc điểm như trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/10/2017 giữa Công an huyện K và Chi cục thi hành án huyện K).*

- Tịch tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám đã qua sử dụng *(Có đặc điểm như trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/10/2017 giữa Công an huyện K và Chi cục thi hành án huyện K).*

- Trải lại tài sản 01 biển kiểm soát 48C1 – 12774, 01 ví da màu nâu nhãn hiệu J.Y JINYU, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thanh T, 02 tờ DOLLARS mệnh giá 02 DOLLARS và số tiền 210.000 đồng cho bị cáo Phạm Thanh T.

4. Về án phí**:** Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Thanh T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- Sở TP tỉnh Đ;
- VKSND huyện K (02 bản);
- Công an huyện K;
- Bộ phận HSNVCS (CA huyện);
- THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

LÊ THỊ TÍM